

Số: 113/QĐ-THTP

Uông Bí, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán Thu - Chi NSNN quý I năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6488/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Uông Bí về việc giao Dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 57/QĐ-PGDĐT ngày 13/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Uông Bí về việc cấp bổ sung kinh phí quỹ lương biên chế và giáo viên hợp đồng năm 2025;

Xét đề nghị của Tổ văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Thu - Chi NSNN quý I năm 2025 của trường Tiểu học Trần Phú.

Điều 2. Thời gian công khai 90 ngày, kể từ ngày 04/4/2025 đến hết ngày 03/7/2025

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, kế toán, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bảng tin nhà trường;
- Công TTĐT nhà trường;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT.


Nguyễn Trung Dũng

Uông Bí, ngày 04 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai dự toán Thu - Chi NSNN quý I năm 2025

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6488/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Uông Bí về việc giao Dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 57/QĐ-PGDĐT ngày 13/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Uông Bí về việc cấp bổ sung kinh phí quỹ lương biên chế và giáo viên hợp đồng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-THTP ngày 03/04/2025 của trường Tiểu học Trần Phú về việc công bố công khai dự toán thu - chi NSNN quý I năm 2025.

Hôm nay, vào hồi 9h00' ngày 04/4/2025, tại trường Tiểu học Trần Phú.

1. Thành phần:

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 45/45 đ/c vắng: 0
- Chủ trì: Đ/c Nguyễn Trung Dũng - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c Đỗ Thị Thanh Hòa - Chức vụ: Chủ tịch công đoàn
- Đại diện Ban TTND: Đ/c Lê Thị Nhung - Trưởng ban TTND
- Đại diện tổ Tài chính: Đ/c Nguyễn Thị Hạnh - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Trần Thị Duyên - Chức vụ: Thư ký

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai dự toán thu - chi NSNN quý I năm 2025 của trường Tiểu học Trần Phú (kèm theo bản dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025 của trường Tiểu học Trần Phú).

2.2. Thời gian niêm yết: 90 ngày, kể từ ngày 04/4/2025 đến hết ngày 03/7/2025

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông báo của trường Tiểu học Trần Phú, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung dự toán Thu - Chi ngân sách quý I năm 2025 của trường Tiểu học Trần Phú, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua Đ/C Lê Thị Nhung - Chức vụ: Giáo viên, Trưởng ban TTND – SĐT: 0774225899) để giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn dự toán thu - chi NSNN quý I năm 2025 của trường Tiểu học Trần Phú từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 9h25' cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

THƯ KÝ TRƯỞNG BAN TTND KẾ TOÁN ĐDBCH CHỦ TRÌ



Trần Thị Duyên



Lê Thị Nhung



Nguyễn Thị Hạnh



Đỗ T. Thanh Hòa



Nguyễn Trung Dũng

Mã QHNS: 1067400

Uông Bí, ngày 04 tháng 04 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Trần Phú công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước quý I năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý I/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				0
I	Tổng số thu				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ		-		
2.1			-		
II	Chi từ nguồn thu được để lại				
1	Số chi phí, lệ phí				
2	Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ		-		
2.1			-		
3	Thu sự nghiệp khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.466.584.000	2.511.154.605		
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.466.584.000	2.511.154.605		
1	Chi quản lý hành chính	10.466.584.000	2.511.154.605		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.788.669.000	2.415.907.751		
1.1.1	Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác		2.415.907.751		
	Mục 6000: Tiền lương		1.026.745.200		
	- TM: 6001: Lương theo ngạch, bậc		1.026.745.200		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		635.936.043		
	- TM: 6101: Phụ cấp chức vụ		17.901.000		
	- TM: 6102: Phụ cấp khu vực		117.936.000		
	- TM: 6112: Phụ cấp ưu đãi nghề		356.742.885		
	- TM: 6113: Phụ cấp trách nhiệm		2.808.000		
	- TM: 6115: PC TNVK, Thâm niên nghề		140.548.158		
	Mục: 6200: Tiền thưởng		0		
	TM: 6249: Thưởng khác				
	Mục: 6250: Phúc lợi tập thể		3.935.000		
	TM: 6254: Tiền khám bệnh định kỳ				
	- TM: 6299: Chi khác		3.935.000		
	Mục: 6300: Các khoản đóng góp		278.520.678		
	- TM: 6301: Bảo hiểm xã hội		207.409.014		

BAN NHÂN DÂN THƯỜNG

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý I/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- TM: 6302: Bảo hiểm y tế		35.555.832		
	- TM: 6303: Kinh phí công đoàn		23.703.888		
	- TM: 6304: Bảo hiểm thất nghiệp		11.851.944		
	Mục: 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		6.739.200		
	TM: 6449: PC ngoài trời GVTD		6.739.200		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		18.513.730		
	- TM: 6501: Tiền điện		12.153.010		
	- TM: 6502: Tiền nước		6.360.720		
	TM: 6504: Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường				
	Mục: 6550: Vật tư văn phòng		81.130.000		
	- TM: 6551: Văn phòng phẩm		25.345.000		
	- TM: 6552: Mua sắm CCDC VP		1.030.000		
	- TM: 6553: Khoản VPP				
	- TM: 6599: Vật tư văn phòng khác		54.755.000		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		5.201.400		
	- TM: 6605: cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		5.201.400		
	- TM: 6608: Sách, báo, tạp chí thư viện				
	Mục: 6700: Công tác phí		2.050.000		
	TM: 6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe		200.000		
	TM: 6702: Phụ cấp công tác phí				
	TM: 6703: Tiền thuê phòng ngủ		350.000		
	TM: 6704: Khoản công tác phí		1.500.000		
	Mục: 6750: Chi thuê mướn		74.640.000		
	TM: 6757: Thuê lao động trong nước		74.640.000		
	TM: 6799: Chi thuê mướn khác				
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản, cơ sở hạ tầng		3.000.000		
	TM: 6907: Nhà cửa				
	TM: 6912: Thiết bị CNTT		3.000.000		
	TM: 6913: Tài sản và TB văn phòng				
	TM : 6921: Đường điện, cấp thoát nước				
	TM: 6949: Các tài sản và công trình cơ sở hạ tầng khác				
	Mục: 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành		230.300.000		
	TM: 7001: Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành				
	TM: 7004: Đồng phục, trang phục				
	TM: 7049: Chi phí khác		230.300.000		
	Mục: 7050: Mua sắm tài sản vô hình		0		
	TM: 7053: Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin				
	Mục: 7750: Chi khác		49.196.500		
	TM: 7756: Chi các khoản phí và lệ phí của đơn vị dự toán				
	TM: 7757: Bảo hiểm tài sản và phương tiện				
	TM: 7799: Chi các khoản khác		49.196.500		
1.1.2	Quản lý nhà nước				
	Tiền lương				
	Phụ cấp lương				

PHỐ
UỶ
H
AN P
★

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý I/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Các khoản đóng góp				
	Thanh toán dịch vụ công cộng				
					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	263.915.000	95.246.854		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		66.825.000		
	- TM: 6051: Lương hợp đồng theo chế độ		66.825.000		
	Mục: 6100: Phụ cấp lương		20.666.854		
	TM: 6149: Phụ GV dạy hs khuyết tật		20.666.854		
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		0		
	TM: 6157: trợ cấp ưu đãi học tập cho đối tượng chính sách				
	Mục: 6300: Các khoản đóng góp		7.755.000		
	- TM: 6301: Bảo hiểm xã hội		5.775.000		
	- TM: 6302: Bảo hiểm y tế		990.000		
	- TM: 6303: Kinh phí công đoàn		660.000		
	- TM: 6304: Bảo hiểm thất nghiệp		330.000		
1.3	Kinh phí thường không thường xuyên	414.000.000			
	TM: 6201: Tiền thưởng thường xuyên				
	TM: 6249: Tiền thưởng đột xuất				

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hạnh

Ngày 04 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Trung Dũng